

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS – ST

Ngày: 30 – 9 -2019

"V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Mạnh Hùng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* ông An Bắc Lùng – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2019/TLST - DS ngày 04 tháng 6 năm 2019, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐST - DS ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị D; Sinh năm: 1977 (có mặt)

Và anh Phạm Văn C; Sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* anh Trần Thái B; Sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Và chị Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2019, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị D và anh Phạm Văn C thống nhất trình bày:*

Do quen biết ông B bà Nnên ngày 12/11/2017 ông bà có cho ông B bà N vay số tiền 650.000.000đ để kinh doanh trong gia đình. Khi vay hai bên có làm giấy viết tay thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm tức đến ngày 12/11/2018 sẽ trả. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ anh chị có đòi tiền nhiều lần nhưng anh B chị N không trả. Nay anh chị yêu cầu anh B chị N phải trả anh chị số tiền nợ gốc là 650.000.000đ. Ngoài ra, anh chị không yêu cầu gì thêm.

- *Tại biên bản lời khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:* chị và anh Trần Thái B là vợ chồng, vợ chồng chị có biết được chị Lê Thị D và anh Phạm Văn C khởi kiện vợ chồng chị về việc anh chị có vay tiền anh C chị D. Anh chị cũng có biết Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đang giải quyết vụ án vay tài sản anh C chị D khởi kiện anh chị. Anh Trần Thái B có biết việc anh C chị D khởi kiện vợ chồng anh chị nhưng anh Bình bạn công việc riêng không đến làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã thông báo về việc anh C chị D khởi kiện vợ anh chị trên báo, anh chị sẽ theo dõi và biết được về quá trình tố tụng Tòa án giải quyết vụ án này. Vào đầu năm 2015 nhưng tôi không nhớ rõ ngày, tháng vì thời gian đã lâu rồi, vợ chồng chị có vay anh C chị D số tiền 650.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền. Giấy vay tiền do anh C chị D giữ, vợ chồng chị không giữ giấy tờ gì. Sau 02 năm thì có đòi lại giấy vay tiền, tức là đến ngày 12/11/2017 thì vợ chồng tôi với anh C chị D viết lại giấy vay tiền, vợ chồng chị có vay vợ chồng anh C chị D số tiền 650.000.000đ, hạn sau 01 năm tức đến ngày 12/11/2018 thì vợ chồng chị phải trả anh C chị D số tiền này, trong giấy vay tiền không ghi thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, vợ chồng chị và anh C chị D thỏa thuận lãi suất miệng lời nói là 22.500.000đ/tháng trên số tiền gốc 650.000.000đ. Vợ chồng chị chưa trả số tiền gốc nào cho chị D anh C. Đối với tiền lãi thì vợ chồng chị đã trả cho anh C chị D khoảng 1.200.000.000đ, việc vợ chồng chị đã trả tiền lãi cho anh C, chị Duyên thì không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Ngày 08/3/2019 vợ chồng chị có trả cho chị D anh C số tiền 20.000.000đ, số tiền trả 20.000.000đ này thì chị có chuyển tiền vào tài khoản cho anh C qua ngân hàng. Tuy nhiên, đối với các số tiền lãi 1.200.000.000đ và tiền chuyển trả cho anh C chị D qua ngân hàng 20.000.000đ thì vợ chồng tôi không tranh chấp gì số tiền này với anh C chị D. Vợ chồng chị không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án này. Trước khi gia đình chị đi khởi kiện địa phương thì tôi có bào và xin anh C chị D là vợ chồng tôi đi làm ăn vì điều kiện quá khó khăn để trả tiền gốc cho anh C chị D và anh C chị D đã đồng ý khoản nợ gốc 650.000.000đ và vợ chồng chị xin trả dần cho anh C chị D. Hiện nay anh C chị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ gốc là 650.000.000đ thì vợ chồng chị cũng đồng ý nhưng xin khất trả dần vì vợ chồng chị đang gặp khó khăn về kinh tế.

- *Bị đơn anh Trần Thái B vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.*

- *Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.*

- *Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn anh Trần Thái B và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D số tiền 650.000.000đ. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu bà anh Trần Thái B và chị Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền vay 650.000.000đ. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D phải liên đới trả cho anh chị số tiền 650.000.000đ:

Tại biên bản lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị N đã thừa nhận chị và anh Trần Thái B là vợ chồng. Vào đầu năm 2015, vợ chồng chị có vay anh C chị D số tiền 650.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền. Giấy vay tiền do anh C chị D giữ, vợ chồng chị không giữ giấy tờ gì. Sau 02 năm thì có đổi lại giấy vay tiền, tức là đến ngày 12/11/2017 thì vợ chồng tôi với anh C chị D viết lại giấy vay tiền, vợ chồng chị có vay vợ chồng anh C chị D số tiền 650.000.000đ, hạn sau 01 năm tức đến ngày 12/11/2018 thì vợ chồng chị phải trả anh C chị D số tiền này, trong giấy vay tiền không ghi thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, vợ chồng chị và anh C chị D thỏa thuận lãi suất miệng lời nói là 22.500.000đ/tháng trên số tiền gốc 650.000.000đ. Vợ chồng chị chưa trả số tiền gốc nào cho chị D anh C. Như vậy, có cơ sở xác định anh B chị N có vay và còn nợ anh C chị D số tiền 650.000.000đ là đúng.

Tại biên bản lời khai chị Như còn trình bày hiện nay anh C chị D khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số tiền nợ gốc là 650.000.000đ thì vợ chồng chị cũng đồng ý nhưng xin khất trả dần vì vợ chồng chị đang gặp khó khăn về kinh tế. Tại phiên tòa phía nguyên đơn anh C chị D không đồng ý cho chị Như anh Bình trả dần mà yêu cầu anh B chị N phải trả ngay một lần số tiền này. Vì vậy, cần chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn anh C chị D là buộc anh B chị N phải có nghĩa vụ trả cho anh C chị D số tiền 650.000.000đ.

Ngoài ra, tại biên bản lời khai bị đơn chị Như còn trình bày: Về tiền lãi thì vợ chồng chị đã trả cho anh C chị D khoảng 1.200.000.000đ, việc vợ chồng chị đã trả tiền lãi cho anh C, chị Duyên thì không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh. Ngày 08/3/2019 vợ chồng chị có trả cho chị D anh C số tiền 20.000.000đ, số tiền trả 20.000.000đ này thì chị có chuyển tiền vào tài khoản cho anh C qua ngân hàng. Tuy nhiên, đối với các số tiền lãi 1.200.000.000đ và tiền chuyển trả cho anh C chị D qua ngân hàng 20.000.000đ thì vợ chồng chị không tranh chấp gì số tiền này với anh C chị D. Vợ chồng chị không có yêu cầu phản tố gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D. Cần buộc anh Trần Thái B và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D số tiền 650.000.000đ.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn anh Bình và chị Như phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D. Buộc bị đơn anh Trần Thái B và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D số tiền 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

[2] Về án phí: Buộc bị đơn anh Trần Thái B và chị Nguyễn Thị N phải liên đới nộp 30.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho anh Phạm Văn C và chị Lê Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000đ, theo Biên lai thu tiền số 0009457 ngày 04/6/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Thu Hà

